

**LUẬN THÍCH PHẬT MÃU BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT  
ĐA  
VIÊN TẬP YẾU NGHĨA**

**QUYỂN 3**

Nói bốn thứ thanh tịnh là:

1. Tự tánh thanh tịnh.
2. Ly cấu thanh tịnh.
3. Sở duyên thanh tịnh .
4. Bình đẳng thanh tịnh.

1. Tự tánh thanh tịnh, là trí không hai không có sai khác. Hành tướng của tự tánh ra sao? Nghĩa là bốn tánh không có giả dối, tức là tánh Chân ngã. Ở trong tự tánh nó có tướng như thế, nó như viên ngọc quý Ma Ni sáng ngời hòa hợp. Như Phật đã nói: Tất cả chúng sinh, tức là Như Lai tạng, có tất cả pháp cùng với Thiệu Thệ là bình đẳng, mà chúng sinh không có tự tánh thanh tịnh. Nói như vậy tức là tự tánh thanh tịnh.

2. Ly cấu thanh tịnh. “Ly cấu” tức là lìa mọi phiền não ô nhiễm là nghĩa thanh tịnh, như trước đã giải thích. Hành tướng nó như thế nào? Tức là đã thực hành các đối trị. Như có các quán, tùy theo lực của nó đối trị mà sinh trí « Không hai » tương ứng. Đây tức là nói các sự tương tăng thượng Ý lạc của đức Thế Tôn vốn có, và đã thực hiện xong. Tức là Pháp giới Chân như Thật tế đó, theo như đây nói, là ly cấu thanh tịnh.

3. Sở duyên thanh tịnh - “Sở duyên” (đối tượng duyên), nghĩa mọi nghĩa lý của pháp Bát-nhã Ba-la-mật đa vốn có khắp cả mọi nơi, thì hết thấy đó đều là tác dụng của cảnh giới thuộc đối tượng duyên cả. Và lại, các tánh có được, hoặc tánh đã hình thành đó cũng là đối tượng duyên. Ở trong đối tượng duyên ấy mà được thanh tịnh. Nghĩa thanh tịnh như đã giải thích ở trước. Đây nói như thế tức là đối tượng duyên thanh tịnh.

4. Bình đẳng thanh tịnh. “Bình đẳng” nghĩa là bằng nhau, không sai khác. Tức pháp giới vi diệu thanh tịnh. Bình đẳng là đại pháp vô

cùng sáng suốt, tánh bình đẳng đó mới thật là rất nhiều bình đẳng. Do đấy, mà trong bình đẳng được thanh tịnh. Nghĩa thanh tịnh, thì trước đã giải thích. Như vậy, gọi đó là bình đẳng thanh tịnh.

Thế là đã nói đủ bốn thứ thanh tịnh, tức là tự tánh của Viên thành. Cho nên, nói nó là các hành tướng có được của pháp Bát-nhã Ba-la-mật đa. Như vậy các nghĩa lý, ngôn từ nói đó, đã được hòa hợp và đã lia tất cả pháp hư giả. Do vậy tụng nói là: Bát-nhã Ba-la-mật. Nghĩa là sao? Nghĩa là tất cả những lời lẽ, nghĩa lý được nói từ Bát-nhã Ba-la-mật đa và tự tánh. Nghĩa là chỉ cho Phật Thế Tôn. Tất cả như thế đều nương vào ba thứ tướng mà nói, chẳng thể là “Y tha” v.v... mà có nghĩa riêng tự tánh được hình thành. Ở đây các hành tướng ấy được nói ra sao? Tức là, như dụ huyện v.v... thuộc về thấy đã nói rồi, tức nói tánh của y tha khởi, không có khác biệt. Nếu theo y tha khởi tánh mà nói, tức là thuộc về thấy dụ huyện v.v... Vì sao thế? Vì không còn có pháp nào nữa cả. Như thế thì các chỗ khác cũng thế. Nên biết như vậy.

- Còn ở đây, nếu nói môn Chỉ (cách ngăn cấm) các hành tướng, tức là nói tánh biến kế, chẳng có sai khác. Như vậy, nếu theo tánh biến kế mà nói, tức là nói về môn Chỉ. Vì sao? Vì pháp ấy không có.

Hỏi: Trong tánh Viên thành thật, vì sao lại có nói về môn ấy? Là vì ở trong pháp ấy không có tánh. Như thế, tùy theo phân vị của chúng đã sinh, tức là phân vị đã nói như thế kia mà cũng không thật. Do đấy, tụng mới nói:

*Mười phân biệt tán loạn,  
Đối trị, như sẽ nói,  
Ba thứ này biết rồi,  
Nói: hoặc tức, hoặc lia.*

Nói “Mười phân biệt tán loạn. Đối trị như sẽ nói”. Tức là có mười thứ phân biệt tán loạn, nay đây sẽ thứ lớp mà nói các đối trị ấy, tức là đối trị trái nhau và năng-sở đối trị.

“Nói ba thứ”, tức là tánh Biến kế, Y tha và viên thành thật. Ba thứ đó, lần lượt đã biết rồi, tức là hiểu biết điều đã nói.

“Hoặc tức, hoặc lia mà nói”, tức là trong kinh Bát-Nhã Ba-la-mật đa, có tức và có lia. Tổng ý ở đây là: Nếu đã hiểu biết như thế rồi thì các biến kế, y tha mà có những sự tướng, hoặc là tức, hoặc là lia, thì mỗi mỗi tướng ấy, như đã nói, sẽ được chỉ bày rõ ràng, đầy đủ. - Hỏi: Ở đây, nói biến kế, hoặc tức, hoặc lia, là thế nào? Do đó Tụng nói:

*Như lời đầu Viên thành,  
Y tha và Biến kế,*

*Phân biệt vô tướng sắc,  
Ngăn trừ tán loạn đó.*

Nói: “Như lời nói đầu tiên”... “Như” là chỉ cho pháp. Ở đây, gọi đó là lời nói đầu tiên, trong tám ngàn bài tụng của pháp Bát-nhã Ba-la-mật đa này. Như kinh ấy nói: “Này Tu Bồ Đề! Tùy Ý ông ưa nói về các Bồ-tát Ma Ha Tát nơi pháp Bát-nhã Ba-la-mật đa. Vậy ông nên phát khởi, làm việc như các Bồ-tát Ma Ha Tát từ Bát-nhã Ba-la-mật đa sinh ra v.v...” như thế là nói đầu tiên. Lời nói đó, nương vào ba tánh là viên thành, y tha, biến kế... mà nói. Như đã nói, tướng là tánh viên thành v.v... tướng sắc của tự nó chẳng phải không có. Nếu trong tướng sắc của tự nó như thế, mà nổi lên phân biệt tán loạn là không có tướng sắc thì đức Thế Tôn đối với việc này, thấy đều ngăn cấm. Hỏi: Làm sao hiểu thấu đáo nghĩa này? Đáp: Như lời nói đầu tiên, nương theo ba nghĩa mà nói. Đối với lời nói ấy, ở đây tóm lược, chỉ rõ nghĩa của nó:

- Như kinh nói: Hãy như Bồ-tát Ma Ha Tát từ Bát-nhã Ba-la-mật đa sinh ra! v.v... “Ra” nghĩa là lìa ra, hoặc là sinh ra, cũng có nghĩa là được đạo Vô thượng. Vì nghĩa chính yếu mà nói. Hoặc vì các loại cảnh giới nghĩa lý. Đây nói như vậy, là do Bát nhã Ba la mật đa đã sản sinh ra tất cả nghĩa. Trong đó, lại có thể sinh ra những sự khen ngợi. Tức là Phật và Bồ-tát, có những khen ngợi, như khen ngợi về tướng ở trước đã nói. Lại như kinh nói: Này Tu Bồ Đề! Tùy ý ông, ưa thích mà nói về các Bồ-tát Ma Ha Tát với Bát-nhã Ba-la-mật đa, phải nên phát khởi, làm các sự cảnh giới ...

Nói: “Ưa thích nói”, tức là vì được sự ưa thích nói Tuệ và ưa thích nói về Quan minh, nên gọi là ưa thích nói. Một đoạn kinh như đây... tức là các sự tướng dựa vào tánh y tha khởi mà trình bày ra. Theo như kinh ấy, thì từ “Tu Bồ Đề... đến... sinh ra v.v...” cả đoạn văn kinh ấy, trong đó, nếu có nói thật nghĩa, tức là dựa vào tánh biến kế mà nói. Lại như kinh nói: Như Bồ-tát Ma Ha Tát từ Bát-nhã Ba-la-mật đa sinh ra v.v... cả một đoạn kinh văn này, là dựa vào tánh viên thành thật mà nói về các sự tướng. Tổng ý ở đây là do nguyên nhân này, nên phải nương theo ba thứ nghĩa để nói pháp Bát-nhã Ba-la-mật đa. Thế nên, nói có tức và có lìa. Tụng lại nói:

*Phật ấy cũng Bồ đề,  
Chẳng thấy có người nói v.v...  
Đến rốt cùng biết đó,  
Ngăn trừ tánh Biến kế.*

Đây nói “ấy”, tức là “cái nhưn ấy”. Đó là thế nào? Nghĩa là những

kẻ phạm ngu, đối với giáo pháp Bát-nhã Ba-la-mật đa đây, vì chấp vào các câu nói, văn tự, nghĩa lý, chấp cho là thật, chấp vào năng tri (chủ thể nhận biết) và sở tri (đối tượng được nhận biết) mà khởi lên các biến kế; nên ở đây phải cấm ngăn.

- Hỏi: Pháp nào có thể ngăn được? Đáp Pháp ngăn trừ ấy, nên biết.

- Hỏi: Người nào nói? Tụng tự đáp: “Phật ấy cũng Bồ đề, chẳng thấy có người nói” Đây nghĩa là sao? Nghĩa là, đã thuận theo cú nghĩa đã an lập, thì người có thể thấu suốt đó chính là Phật! Bồ đề, tức trí đã lia dứt hai chướng là phiền não và sở tri. “Đẳng” (v.v...) tức là gồm cả Bồ-tát và Thinh văn. “Người nói” đó tức là Phật v.v... Nghĩa là nếu có người, đối với tự tánh của các uẩn, mà điên đảo, mê lầm, biến kế, chấp chặt; thì Phật sẽ vì người đó, mà nói các pháp để ngăn trừ. Như thế tức là trong đây chấp có người ấy nói. Tụng nói: “chẳng thấy”, thì như lý, thuận theo biết. Hỏi: Nhưng các điều mà người ấy nói có phân hạn nào? Tụng tự đáp: “Đến rốt cùng”, nghĩa là trong kinh Bát-Nhã Ba-la-mật đa đây, từ đầu đến cuối đều bao gồm tất cả, đó là phân hạn.

Tụng nói: Ngăn trừ tánh biến kế. Là nghĩa Phật và Bồ đề đã nói ở đây, đối với đó ta đều chẳng thấy. Điều là để ngăn trừ tánh biến kế phân biệt có tướng.

Hỏi: Vì sao ở đây, chỉ nói ngăn trừ tánh biến kế, mà chẳng ngăn trừ tánh viên thành? Tụng tự giải thích:

*Sắc ấy không tự tánh,  
Câu tướng làm sao có,  
Trong lời khác biệt này,  
Hiểu biết đã ngăn nó.*

Ở đây nói tự tánh v.v... thì tự tánh nghĩa là bản tánh; “không sắc ấy”, tức là bản tánh của sắc là không. Nếu tướng trí ấy, thấy có sắc, tức liền có chấp. Như thế tất cả chấp sắc là có thật, thì chúng là đối ngại ở trong tướng đều có (câu tướng) mà có tướng tăng thêm, trở lại thành phân biệt. Sự phân biệt tướng ấy làm sao có được? Do đó tụng nói: Câu tướng làm sao có? Câu tướng là hai tướng có và không đều có. Nghĩa là đối với bản tánh của sắc ở trong Thắng nghĩa đế thì không có phân vị “Có” hay “Không” để mà giữ lấy. Ví như sừng người (là việc không bao giờ có như lông rùa, sừng hổ), nghĩa đó nên biết. Thế nên, chỉ ngăn trừ biến kế mà không ngăn trừ viên thành. Vì sao thế? Vì trong tánh Thắng nghĩa đế là chẳng có. Tụng nói: “Trong lời khác biệt này” Hiểu biết đã trừ nó. “Đây, này” nghĩa là cái nhưn. “Hiểu, biết”; nghĩa là hiểu rõ, là vì

lời khác biệt kia, mà hiểu biết rõ ràng, kỹ lưỡng, tức có thể xa lìa.

Nói “ngăn trừ”. “Ngăn” tức là ngăn chặn, trừ bỏ, tức là ngăn có biến kế. Ở đây nên biết như thế, hết thấy đều là để ngăn trừ phân biệt tán loạn về tướng Câu hữu Sau đó, là ngăn trừ việc phân biệt chê bai tán loạn. Như tụng nói:

*Đây chẳng không nên không,  
Lời như thế đã nói,  
Các phân biệt chê bai,  
Tất cả nói đều ngăn.*

Nói: “Đây chẳng không nên không”. Tức là Phật Thế Tôn, đối với Bát-nhã Ba-la-mật đa bản mẫu tuyên nói. Vì “chẳng Không” như thế, nên là Không không.

Lại nói: “Như thế lời đã nói”, tức ở đây đã nói những lời như thế. Nói những gì? Ấy là vì chẳng phải không, nên là không; vì đã lìa tánh không.

Nói: “Các chê bai phân biệt”, là nếu có người đối với chỗ chẳng phải không nên là không này mà chấp lấy tự tánh của không, thì đó là phân biệt huỷ báng, nay đều phải ngăn trừ.

- Nói: “Tất cả nói đều ngăn”. Tất cả, nghĩa là tất cả chỗ, tất cả chủng loại. “Nói”, tức là nói năng, nghĩa là Phật Thế Tôn không chỉ ngăn trừ ở đây về biến kế phân biệt, mà đối với tất cả mọi chỗ, nơi nào nói là không thì đều phải ngăn cản, trừ bỏ. Lại Tụng nói:

*Như huyễn, Phật cũng vậy,  
Đó như mộng, cũng vậy,  
Như thế, như sẽ biết,  
Bằng lời - trí quyết định.*

Nói: “Như huyễn Phật cũng thế. Đó như mộng cũng vậy”; là phải nên biết, lời nói này cũng là ngăn ngừa sự phân biệt huỷ báng.

“Như huyễn”, tức là lấy huyễn mà dụ cho pháp, nên gọi là như huyễn. Như huyễn là sao? Tức là Phật đó. “Cũng như thế”, là nói liên tục. “Như mộng cũng vậy”, nghĩa là Phật ấy cũng như mộng. Ở đây, nếu có lời Phật nói, phải biết đó đều là trí không hai, mà tự tánh đó cùng với các Di sinh kia, lúc nào cũng có: chỉ vì vô minh và ảo huyễn che lấp nên các kẻ phàm ngu, mới ở trong tự tướng ẩn kín, chẳng hiện ra. Tụng nói: “Như thế như sẽ biết, Bằng lời, trí quyết định” nghĩa là những điều nói đó, cứ theo thứ lớp, đúng lý mà biết. Biết tức là hiểu rõ.

Hỏi: Người nào có thể biết? Tụng đáp: Đó là trí. Trí, tức là người trí. Hỏi: Thế nào là bằng lời, trí quyết định? Đáp: Đó là vì tất cả pháp

đều như huyễn. Hỏi: Ở đây là ngăn trừ sự phân biệt hủy báng, như đã biết, tại sao sau đó lại có sự chỉ bày? Do vậy mà Tụng nói:

*Các thứ đồng sở tác  
Đấy nói Phật như huyễn,  
Tuyên nói v.v... dụ huyễn ấy v.v...  
Đây nói tánh y tha.*

Nói: Các thứ đồng sở tác. “Đấy nói Phật như huyễn”. “Đồng sở tác”, tức là giống như huyễn. Ý ở đây là: Nếu tất cả xứ trong trí không hai là không có sinh thì việc nói kia không tương ứng đối với những thứ đồng có tạo tác. Vì lý do nào? Do vì các huyễn v.v... đều có tánh. Trong đó như Phật kia cũng có tánh. Thế nên, tụng nói: Phật như huyễn là vậy!

Tụng nói: “Tuyên nói v.v... dụ huyễn ấy v.v... Đây nói tánh y tha”. Chữ vân vân ( v.v...) sau chữ huyễn tức bao gồm mộng v.v... Chữ vân vân ( v.v...) sau chữ tuyên nói là nghĩa nhân. Nói, là nói năng. Nếu nói lời dụ huyễn v.v... thì tức là nói về tánh y tha khởi. Tánh Y tha này, chính Phật đã nói. Y tha, tức là nương thuộc vào cái khác, kể khác, nên gọi là y tha. Y tha đấy tức là tự thể của vô minh. Phần vị này có chỗ để nương nhờ, tức nói nó như huyễn, Phật thì cũng thế, tức như huyễn. Thế nên biết, chẳng phải tất cả mọi thứ, tất cả tánh không, mà là vì tự tánh thanh tịnh. Các thí dụ huyễn v.v... kia, như Phật đã nói, tất cả đều như thế. Như vậy, nếu nói có kẻ phân biệt hủy báng thì chẳng phải là Như Lai tạng, tất cả chúng sinh đều chẳng phải là trí không hai. Vì sao thế? Vì đối với tất cả cái có ở đây đã phân biệt hủy báng cả. Do đó, đối với nghĩa vốn hoàn thành mà thấy đều chẳng thành, cũng chẳng hòa hợp.

Hỏi: Nếu trí không hai trong Thắng nghĩa đế, tức là Như Lai; thì tại sao ở đây lại nói trí Dị sinh? Để phá nghi này, do đó tụng nói:

*Nếu các trí Dị sinh,  
Tự tánh nó thanh tịnh,  
Nên nói Phật ấy nói,  
Bồ-tát cũng như Phật.*

Nói: “Nếu các trí của dị sinh, tự tánh nó thanh tịnh. Tức bản tánh của các Dị sinh là thể thanh tịnh, tức là trí của tự tánh thanh tịnh.

“Nói Phật ấy nói”, nghĩa là nói Phật ấy nói Trí Không hai. Như thật. Đây nói trí của Dị sinh cũng giống như thế. Hỏi: Nếu do hành tướng, mà nói như thế, thì có nghĩa gì? Tụng tự đáp: “Bồ-tát cũng như Phật”, vì trí không hai sinh ra. Vì nghĩa như thế nên Bồ-tát cũng như Phật. Do nhân đó nên Phật và Bồ-tát không khác nhau.

Hỏi: Nếu Di Sanh hoặc chư Phật, đều từ trí như thật sinh ra, tại sao trước đây nói không hề có gì sở đắc? Tụng tự giải thông:

*Tự tánh tự sắc che,  
Vô minh ấy làm nhờn,  
Như huyễn riêng hiện khác,  
Quả như mộng, nên bỏ.*

Nói: Tự tánh chính tự sắc che lấp, và vô minh kia là nhân tạo ra mọi thứ. Nghĩa là, tự tánh và tự thức của các dị sinh (phàm phu) là hòa hợp, không có hai. Do các vô minh kia làm nhân đã phát khởi ngã và ngã sở. Ngã tức tự tánh, còn ngã sở chính là tự sắc. Vì bị tự sắc che lấp nên mới hiện ra, các thứ riêng rẽ khác nhau. Rồi khởi lên hai tướng (hai thứ đối đãi). Tướng ấy không có hai, cũng không thật có. Như vậy là sao? Tụng đáp: Ấy là như huyễn. Các vật như huyễn, không có tự tánh mà chấp là có thật. Mà các đối tượng chấp giữ lại là đối ngại với trí không hai.

Hỏi: Nếu tự tánh của trí không hai cùng với trí Di sinh là bình đẳng, thì tại sao trong thức Di sinh lại không chỗ xuất hiện? Đáp: Chính vì tánh của Năng thủ (chủ thể chấp giữ) và Sở thủ (đối tượng bị chấp giữ) mê lầm điên đảo che lấp. Nhưng trong thức của Như Lai, thì tự tánh kia, bao giờ cũng xuất hiện rõ ràng, vì nó là tánh luôn thanh tịnh.

Hỏi: Nếu chúng phàm phu, trong tánh thanh tịnh, nhưng không có quả báo, Chân thật xuất hiện; thì tức là trong mọi thời gian, bị vô minh bám chặt kiên cố thì thế nào? Để phá nghi đó, nên tụng nói: “Quả như mộng nên bỏ đi”. “Bỏ đi”, là không nên chấp trước. Ý ở đây là: Nếu vốn đã có trong tự tánh thanh tịnh trí, thì chẳng phải là tánh không quả báo, chỉ vì bị vô minh che lấp đó thôi. Như các huệ về Văn và Tư (nghe pháp và suy nghĩ) mà hòa hợp tạo nên thì quả đạt được không thật. Ở đây cũng thế. Như trong giấc mơ, các công việc, sự thấy biết, nghe nói v.v... đều là không thật, vì nó không có các tướng tiêu biểu hiện ra. Dầu có sự hòa hợp tạo tác, giống như có thể nắm bắt được, dù được rồi cũng nên bỏ đi, vì nó không thật. Những điều nói ở đây, nhất định là đúng chánh lý. Tụng lại nói:

*Không hai nói riêng khác,  
Quả v.v... quyết định chệch bại  
Các phân biệt chệch bại v.v...  
Đây nói là hủy báng.*

Nói: “Không hai nói riêng khác” v.v... nghĩa là các kẻ phàm ngu, đối với trí không hai đã khởi lên những cái thấy điên đảo với đủ các thứ



khác biệt hiện ra, rồi chấp vào tướng của hai thứ cảnh giới. Tụng nói: “Quả v.v... quyết định chê bai”. “Quả v.v..”, nghĩa là cảnh giới của các quả báo v.v.... đối với tướng Chơn như mà nhất định chê bai, vậy nay cần phải ngăn trừ.

Tụng nói: “Các phân biệt chê bai v.v..”. Nghĩa là vì có chê bai nên mới khởi lên các phân biệt. Nhưng sự chê bai và các phân biệt ấy, nay đây đều phải ngăn trừ.

Tụng nói: “Đây nói”, tức là nói ngăn trừ. Nay nói: “Chẳng phải không nên không” là khiến cho bỏ các lời nói giả dối không thật. Nên biết ở đây, Sắc tức là không. Lại trong đây có phân biệt một tánh đã khởi hiện lên. Như thế là sao? Trong Bát-nhã Ba-la-mật đa bản mẫu có nói: “Nếu sắc là không, tức là chẳng phải Sắc”, tạo ra cách nói hòa hợp như thế. Vì muốn ngăn trừ nghĩa, ngữ về phân biệt một tánh quyết định. Do đó tụng nói:

*Sắc - không chẳng hòa hợp,  
Nó trái ngại lẫn nhau,  
Chẳng sắc - chẳng tên không,  
Sắc tướng tự hòa hợp.*

Nói: “Sắc không chẳng hòa hợp”, nghĩa là sắc cùng với không chẳng thể hòa hợp. Chẳng hòa hợp, tức là không tương ứng. Hỏi: Vì sao chẳng hòa hợp? Tụng tự đáp: “Nó trái ngại lẫn nhau” Nghĩa là Sắc và Không, hai thứ ấy hại lẫn nhau. Hành tướng trái nghịch nhau thế nào? Tụng nói: “Không tên sắc, tên không”. Nghĩa là nếu không có sắc thì chẳng có không, vì nó không có tự tánh. Thí như hoa sen trên không trung. Nghĩa đó thuận theo biết.

Tụng nói: “Tên gọi” có nghĩa là xác định (ấn khả). Xác định ở đây nói là không có tự tánh.

Tụng nói: “Sắc tướng tự hòa hợp”, nghĩa là tướng của các màu sắc Xanh Vàng Đỏ Trắng v.v... tự hòa hợp Tổng ý ở đây, là nó có tự tánh và không có tự tánh, nên biết hai thứ đó quyết định trái nghịch nhau. Lại tiếp Tụng nói:

*Phân biệt một tánh đó,  
Đối trị các thứ tánh,  
Không chẳng khác nơi sắc,  
Không ấy làm sao có.*

Nói: “Đây phân biệt một tánh” v.v... thì “Đây” có nghĩa là như. Là từ nhân này, chỉ ra cách đối trị, ngăn trừ phân biệt một tánh. Thế nên, trong Bát-nhã Ba-la-mật đa đã nói: “Nếu sắc ấy là không, tức



chẳng phải là sắc”. Ở đây như thế là khiến phải ngăn trừ phân biệt một tánh. Do đó tụng nói: “Không chẳng khác nơi sắc, không ấy làm sao có”. Như lời Tụng trên nói: Đối trị các thứ tánh, nghĩa là phải ngăn trừ có phân biệt trong các thứ tánh. Thế nên, trong Bát-nhã Ba-la-mật đa bản mẫu đây, đã nói là “không chẳng khác sắc”.

Đây nói như thế, để làm gì? Vì không làm đối ngại với sắc. Hỏi: Vậy phải ngăn trừ cái gì? Đáp: Nên ngăn trừ phân biệt thành các thứ tánh. Đây lại nguyên do gì, nói không kia chẳng khác sắc, vậy sắc của tướng uẩn làm sao có? Thế nên ở đây nói: Sắc tức là Không. Nếu lìa không thì không có một chút sắc nào có thể nắm bắt được cả, vì không chỗ có. Như vậy, các điều đã nói đây đều là để ngăn trừ phân biệt tán loạn về các thứ tánh.

Hỏi: Nguyên nhân gì, mà lìa không thì chẳng có sắc? Do đó tụng nói:

*Đây không thật hiện bày,  
Đó Vô minh nổi lên,  
Đây không thật năng biểu  
Đó nói là Vô minh.*

Nói: “Đây không thật hiện bày” v.v... Không thật, nghĩa là không có, tức là đây có hiện bày ra nhưng bị đối nghịch trở ngại. Tụng nói: “Đó vô minh nổi lên” nghĩa là: Có các Sắc, tự tánh của các Sắc đó bị chấp chặt, nên vô minh khởi lên. “Chấp trước”, tức bao trùm che chắn. Nghĩa là đối với những vật không thật, hiện bày đầy dẫy đó, mà chấp chặt, cho là có thật tánh, thì là bị chướng ngại ngăn che. Thế cho nên ở đây ý được nhấn mạnh là: “Không chẳng khác Sắc.”

Hỏi: Vốn có trí tự tánh thanh tịnh của dị sinh, vì sao lại nói, trong đó có Vô minh? Muốn phá nghi đó, nên tụng nói: Đây không thật năng biểu, đó nói là Vô minh”. Không thật là cú nghĩa không thật. “Biểu” tức là bày ra rõ ràng. “Năng” (có thể) là năng lực. Vì nó không thực, nên không thể bày ra rõ ràng. Tổng ý ở đây nói: Đó là vô minh, chẳng phải là Thắng nghĩa đế. Lại nữa, Tụng nói:

*Đây nói sắc như thế,  
Bát-nhã Ba-la-mật,  
Không hai, hai như thế,  
Đối trị phân biệt hai.*

- Nói: “Đây nói sắc như thế, Bát-nhã Ba-la-mật”, tức là nghĩa sắc, mà pháp Bát-nhã Ba-la-mật đã nói, tự tánh nó là trí thanh tịnh, nhưng nó có thể ngăn trừ được tánh che lấp của năng thủ và sở thủ. Những

điều nói trong Bát-nhã là sức mạnh của trí tuệ vậy.

Hỏi: Có lúc, các tướng vô minh phân biệt khởi lên, thì lấy cái gì để đối trị? Tụng tự đáp: “Không hai, hai như thế, đối trị phân biệt hai”. Ý ở đây là: Nếu như có hai tướng hiện ra, thì nên lấy tướng Thắng Nghĩa, có tự tánh không hai và trí tuệ thanh tịnh, để đối trị. Tức là đối trị phân biệt hai tướng có tánh và không tánh. Lại nhờ cả Văn, Tu, Tư Huệ, hòa hợp nhau mà đối trị. Như thế, là đối trị hai tướng ấy đã xong. Đây là đối trị bằng nghĩa chơn thật, đúng lý. Như ở giữa đồng hoang, dưới ánh nắng chói chang, ta thấy như có nước. Nghĩa đó, nên biết. Ở đây, Như Lai là bậc chơn thật, hiểu biết thấu suốt tất cả, nên trong Bát-nhã Ba-la-mật Bản Mẫu đã như thật mà giảng nói. Và lại, cũng nên biết, ở trong Bát-nhã Ba-la-mật đa đó, cũng có nói đến mười thứ phân biệt tán loạn, đều lấy trí không phân biệt để đối trị.

Hỏi: Nếu như thế, tại sao lại gộp chung để chỉ nói có hai thứ đối trị phân biệt? Điều ấy chẳng lỗi lầm hay sao? Đáp: Cũng không có lỗi vì trong hai thứ đó có thể ngầm gồm thấu tất cả, thì cũng có thể ngăn trừ được các thứ phân biệt khác. Thế nên tổng ý ở đây là bao gồm hai thứ.

- Lại hỏi: Nếu trong hai thứ này, đã có thể ngầm bao gồm tất cả các thứ phân biệt khác thì vì sao đức Thế Tôn, lại nói có nhiều thứ phân biệt tán loạn? Đáp: Ý ở đây nói, là vì chúng sinh có nhiều ý nghĩ ham thích khác nhau nên nghĩa tự hòa hợp không cần phải bàn nữa.

□